

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi

Ngày 30/09/2025	24,550 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.6%	10.6%	19.8%

DT thuần Q3/25
94.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.60 -1.7%
YoY: ▼10.4 -10.0%

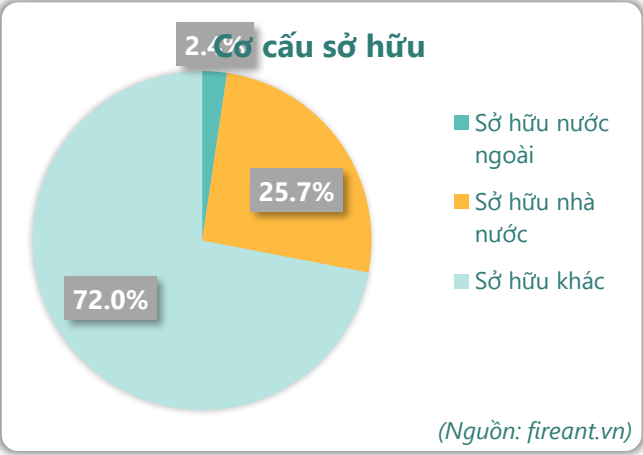
LN thuần Q3/25
14.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.70 -40.8%
YoY: ▲ 6.61 89.9%

LN sau thuế Q3/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.0 -48.8%
YoY: ▲ 4.93 88.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
14.8%
YoY: +/- ▼ 13.0%

ROE (TTM) Q3/25
17.1%
YoY: +/- ▲ 1.3%

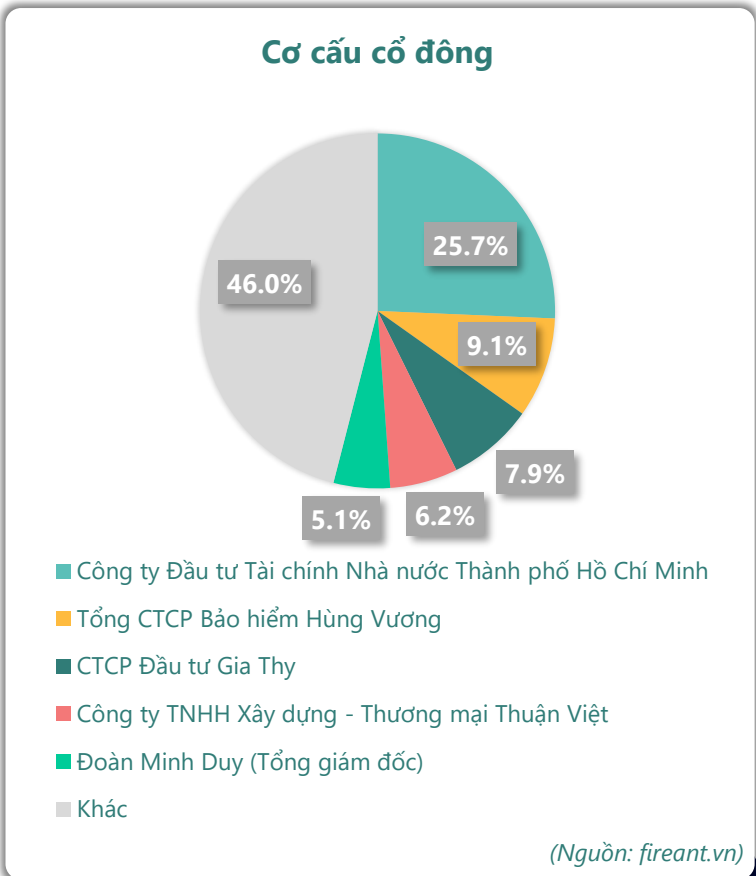
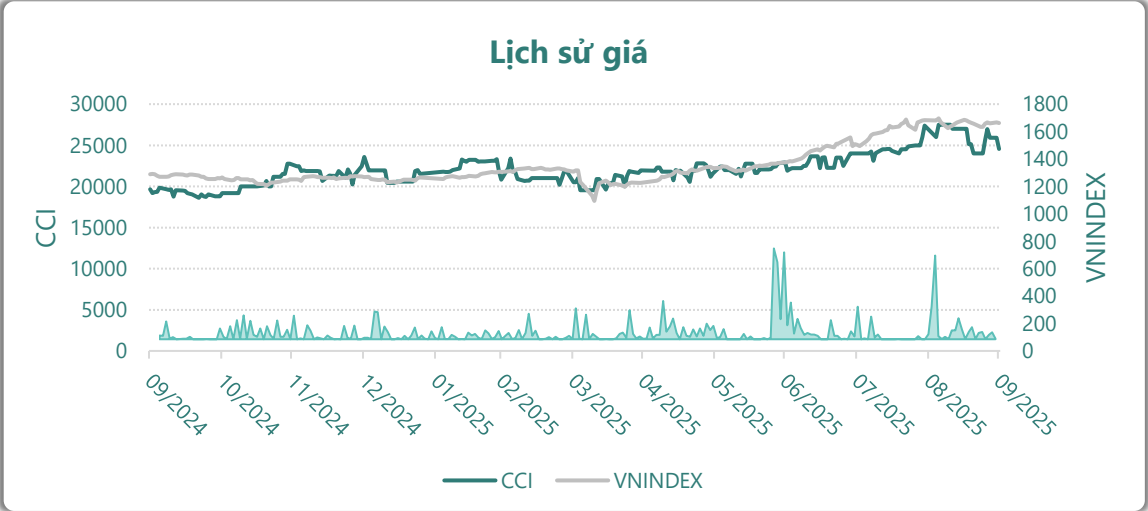
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	18,611 - 27,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	431
Số lượng CPLH (CP)	17,541,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)	945
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	0.53
EPS	2,713
P/E	9.0



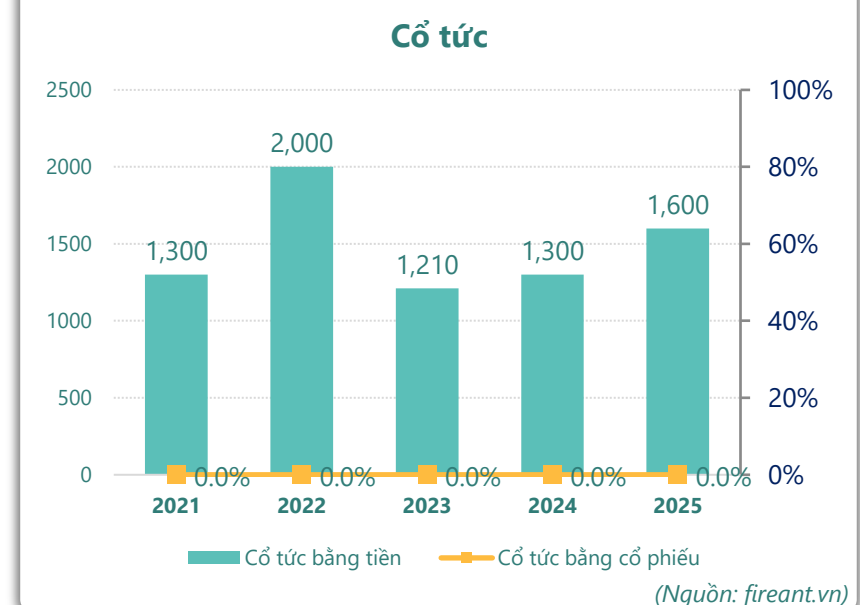
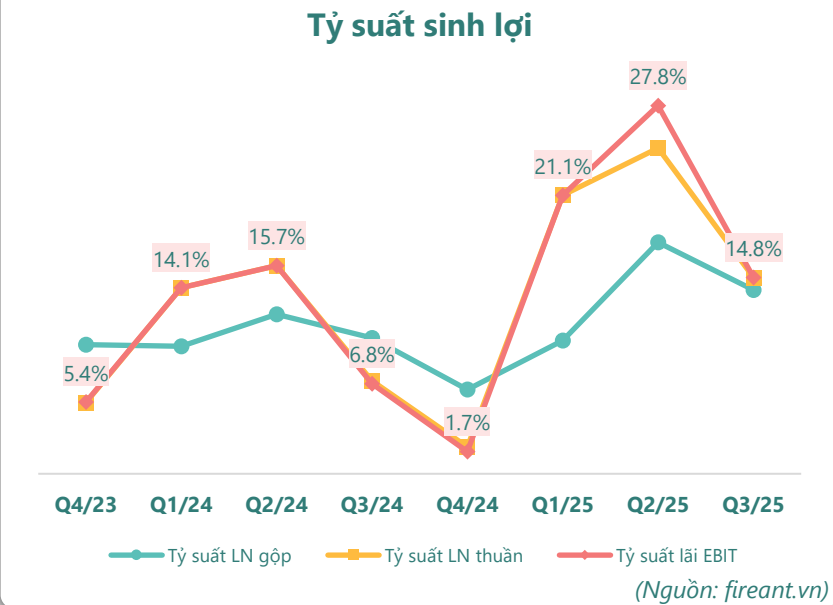
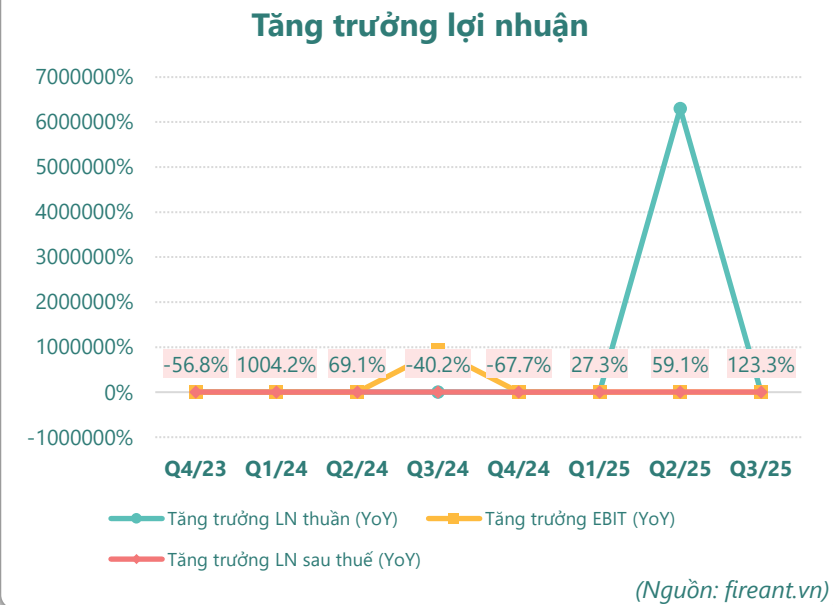
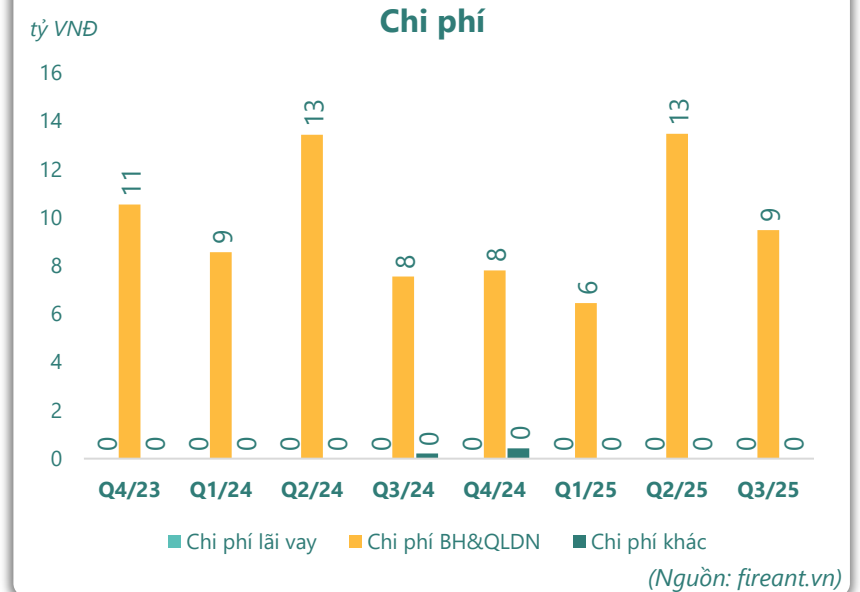
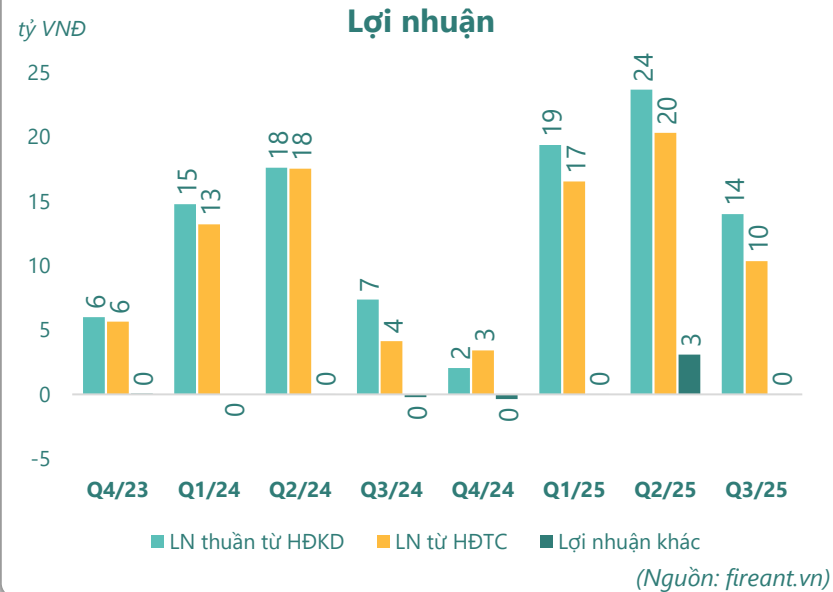
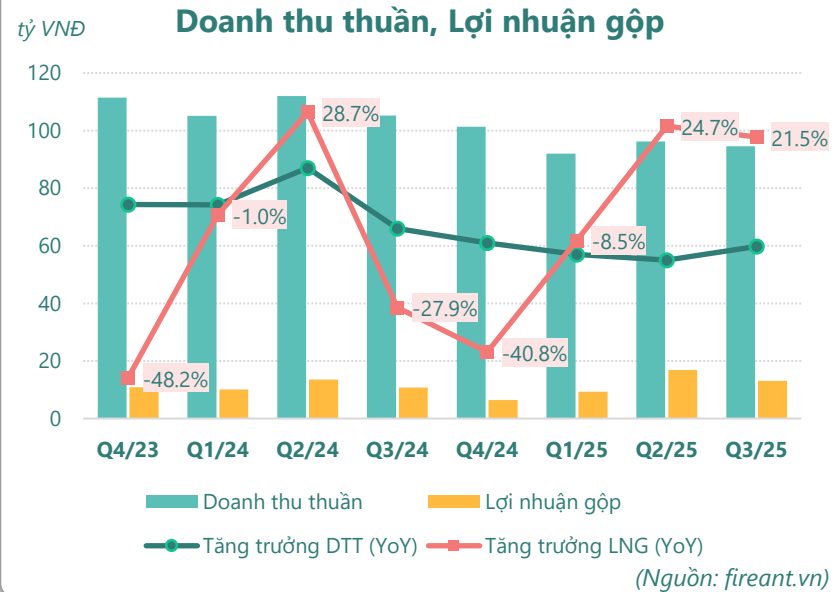
DT thuần 9T 2025
283
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.0 -12.3%

LN thuần 9T 2025
57.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.3 43.4%

LN sau thuế 9T 2025
46.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.7 46.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH

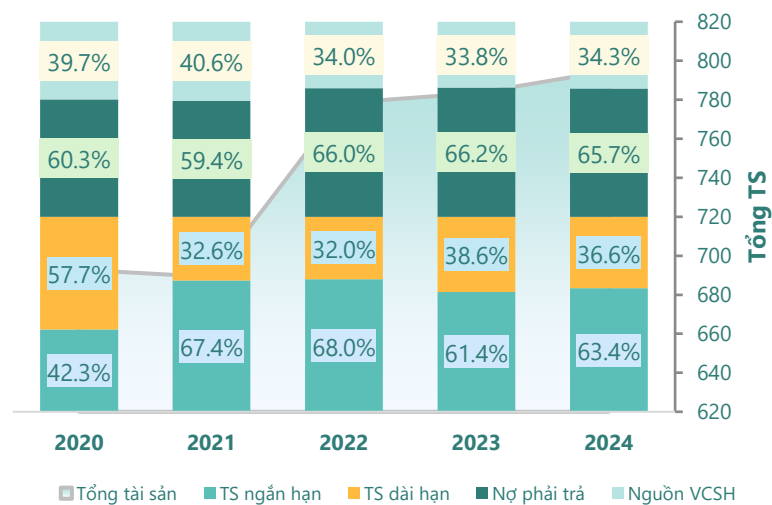




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

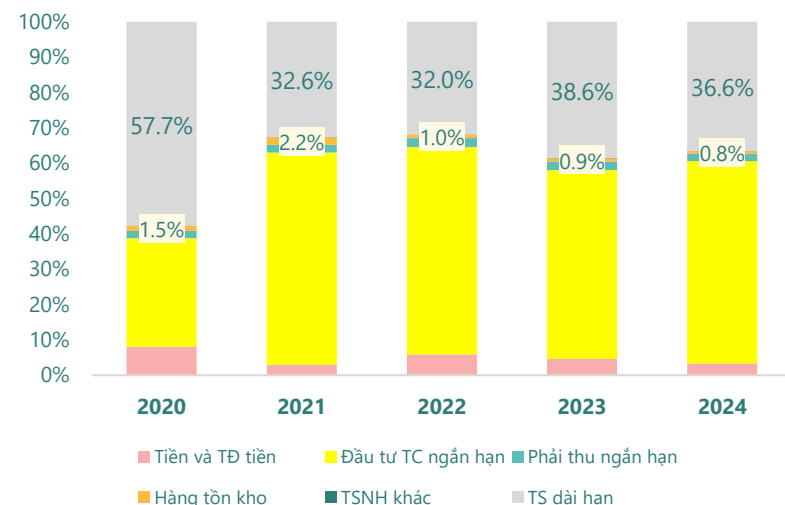
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

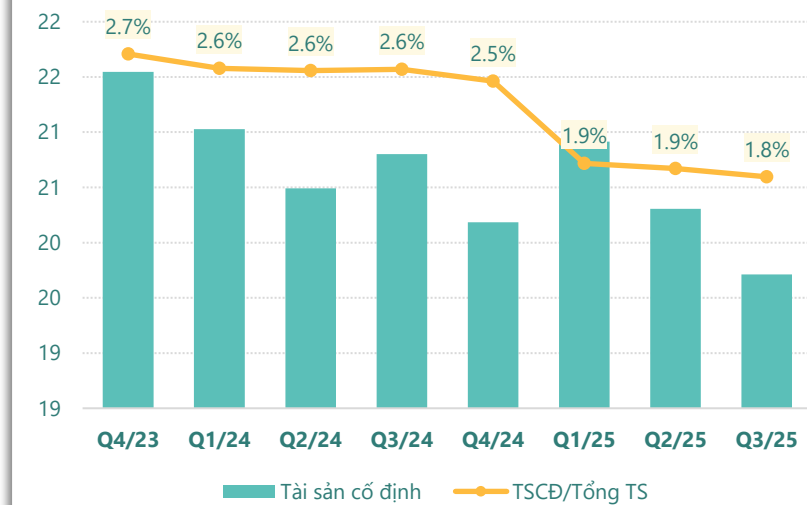
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

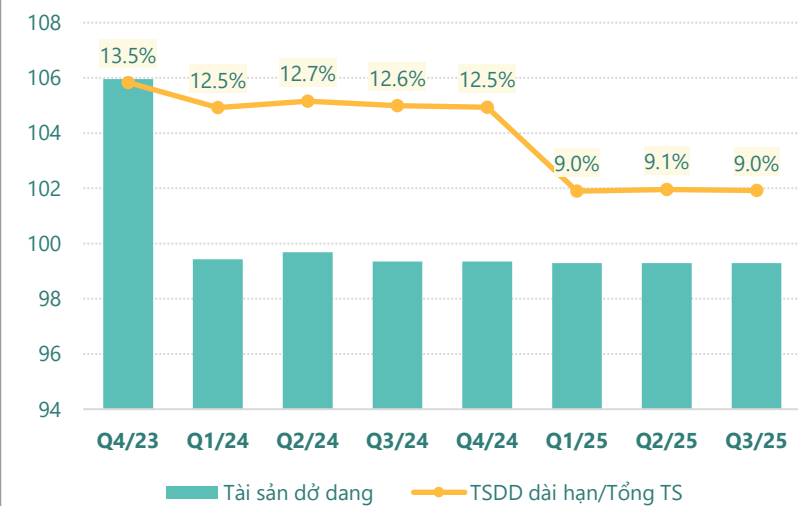
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

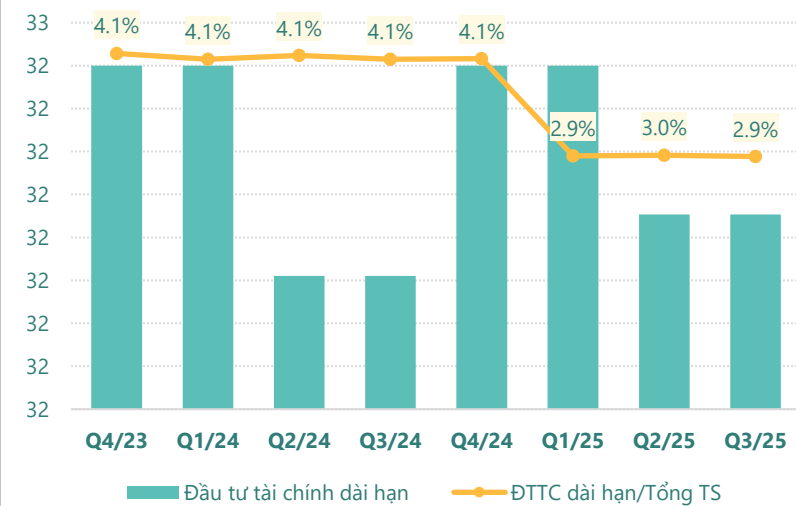
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

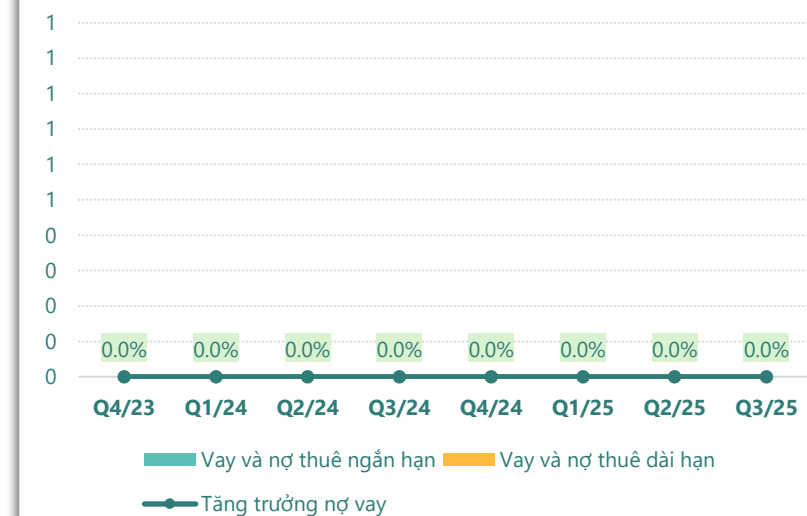
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

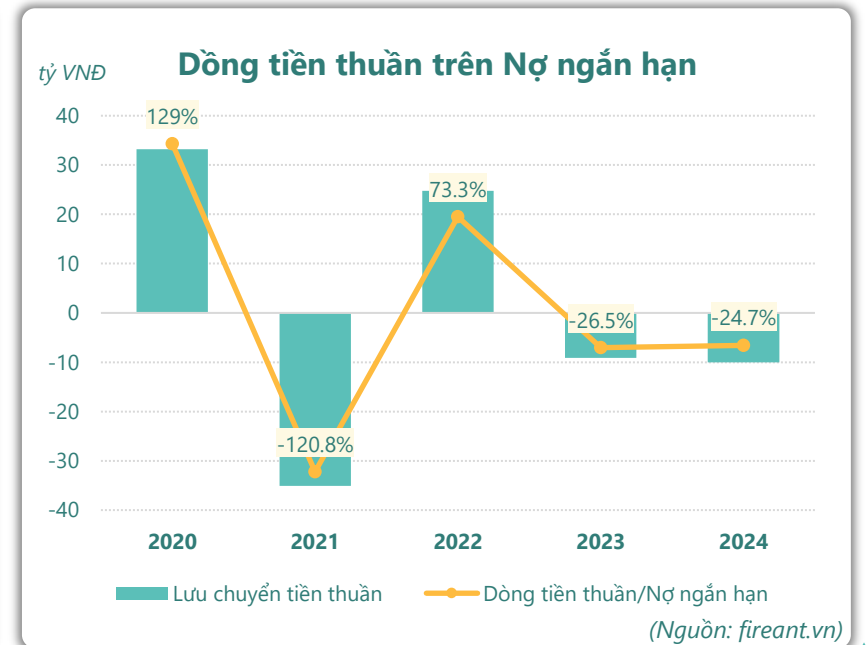
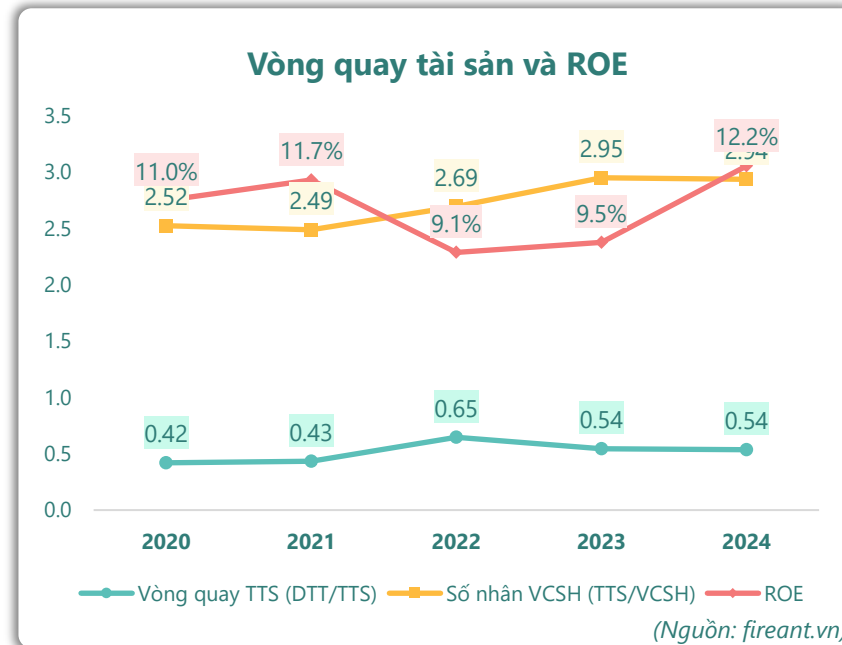
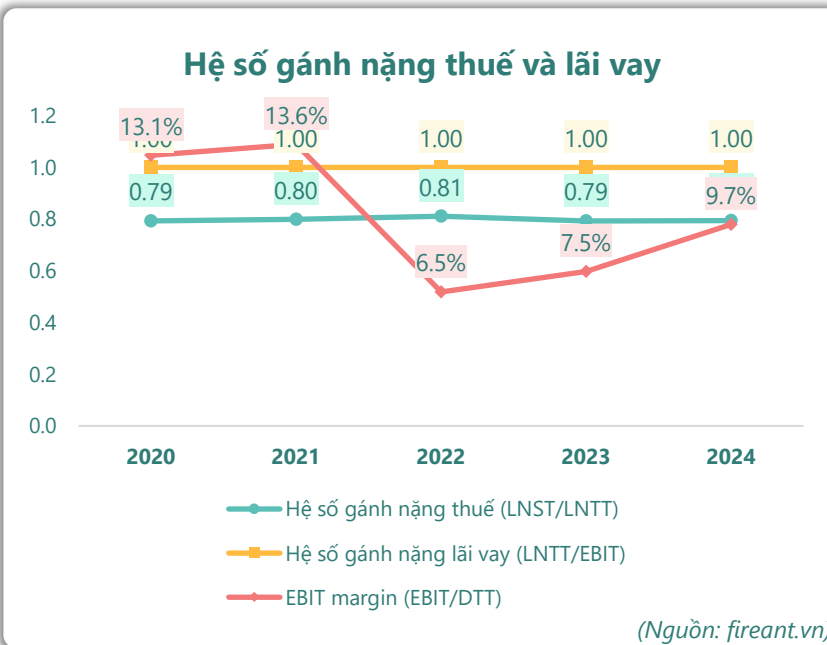
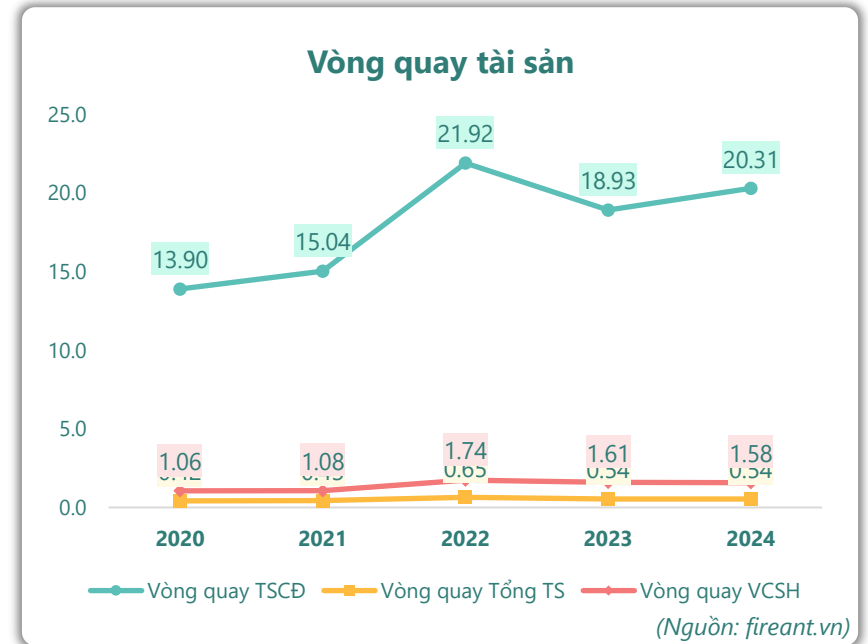
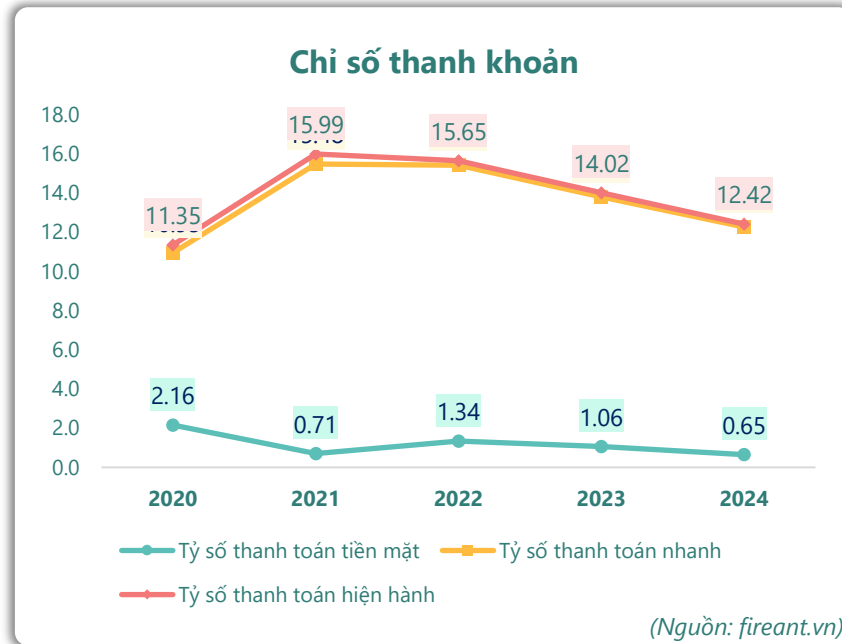
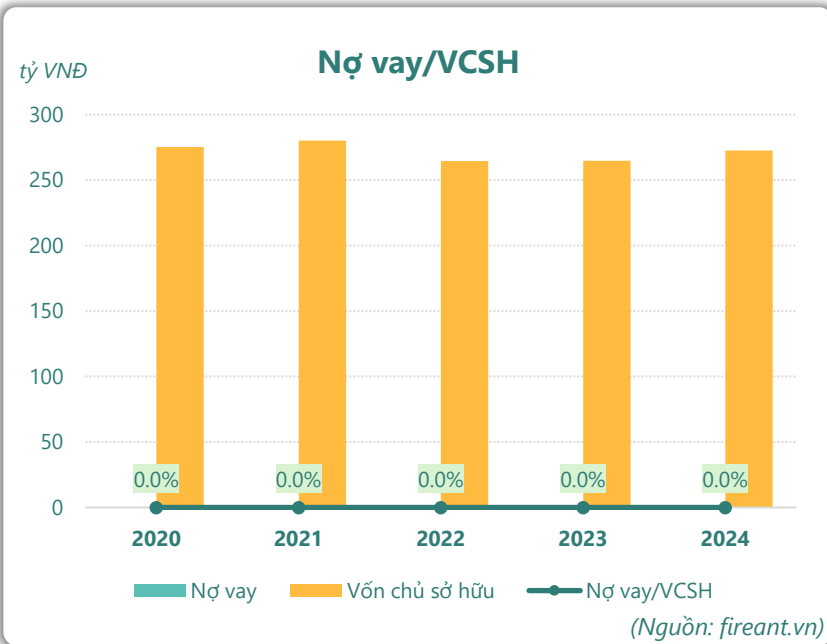
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	94.6	105	-10.0%	283	322	-12.3%
Giá vốn hàng bán	81.4	94.4	-13.8%	244	288	-15.4%
Lợi nhuận gộp	13.1	10.8	21.7%	39.3	34.5	13.9%
Doanh thu HĐTC	10.4	4.74	119%	32.9	16.2	103%
Chi phí TC	0.00	0.62	-99.6%	-14.4	-18.7	23.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	6.21	3.83	62.1%	17.8	12.0	48.8%
Chi phí QLDN	3.27	3.73	-12.3%	11.6	17.6	-34.1%
LN thuần từ HĐKD	14.0	7.39	89.9%	57.1	39.8	43.4%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.21	100%	3.09	-0.22	1512%
LN trước thuế	14.0	7.18	95.4%	60.2	39.6	52.0%
Lợi nhuận sau thuế	10.5	5.57	88.3%	46.4	31.7	46.6%
LNST của CĐ cty mẹ	10.5	5.57	88.3%	46.4	31.7	46.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.3	14.8	3.11	294	17.5	2.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.4	-16.0	-3.06	-265	3.47	-12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.0	-0.01	-0.01	0	-27.4	-0.12
Tiền đầu kỳ	56.6	27.5	26.3	26.3	54.6	48.2
Lưu chuyển tiền thuần	-29.1	-1.21	0.04	28.2	-6.42	-10.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.5	26.3	26.3	54.6	48.2	37.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,097	795	38.0%
Tài sản ngắn hạn	823	504	63.3%
Tiền và tương đương tiền	37.6	26.3	42.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	742	455	63.2%
Phải thu ngắn hạn	38.3	16.5	132%
Hàng tồn kho	4.58	6.18	-25.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.08	6.6%
Tài sản dài hạn	274	291	-5.7%
Phải thu dài hạn	0.30	0.19	60.3%
Tài sản cố định	19.7	20.2	-2.4%
Bất động sản đầu tư	116	123	-5.6%
Tài sản dở dang	99.3	99.4	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.3	32.5	-0.5%
Tài sản dài hạn khác	6.51	15.7	-58.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	811	522	55.3%
Nợ ngắn hạn	44.7	40.6	10.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.34	4.42	-92.4%
Nợ dài hạn	766	482	59.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	286	273	5.0%
Vốn chủ sở hữu	286	273	5.0%
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

